TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2025
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **TỐNG VĂN TƯ**
2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **CAO TRẦN KHẮC HUY** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Ông **HUỲNH PHƯƠNG HUY** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 466/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 96/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN THỊ BÉ B,** sinh năm 1988
Địa chỉ: ấp 0, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh **PHẠM VĂN B,** sinh năm 1979
Địa chỉ: ấp 0, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Chị B có đơn xin vắng mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai không đề ngày 05/8/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé B trình bày:

Chị và anh B do quen biết nên xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã A. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Hơn 01 năm nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh B không lo làm ăn, thường uống rượu, chửi mắng, đánh đập, xúc phạm danh dự nhân phẩm chị. Chị yêu cầu được ly hôn anh B.

Con chung có 02 cháu Phạm Nguyễn Tú T, sinh ngày 25/01/2009; Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/3/2012, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Tự thoả thuận, nợ chung không có.

Bị đơn anh Phạm Văn B không có văn bản ý kiến và vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, chị Bé B có đơn xin vắng mặt và anh B vắng mặt không lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bé B, cho chị Bé B ly hôn anh B, giao 02 con chung cho chị Bé B nuôi, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Bé B không có yêu cầu. Tài sản chung tự thoả thuận, nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Bé B có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, anh B vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần hai. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào lời trình bày của chị Bé B có trong hồ sơ vụ án, chị cho rằng chị và anh B đám cưới năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A. Sau khi cưới, thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc đến hơn 01 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh B không lo làm ăn, thường uống rượu, chửi mắng, đánh đập, xúc phạm danh dự nhân phẩm chị. Chị yêu cầu được ly hôn anh B.

Đồng thời, quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo luật định cho anh B để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, không cung cấp bất kỳ văn bản, tài liệu, chứng cứ gì đến Tòa. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị Bé B.

Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bé B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Xét, tiếp tục giao cháu Phạm Nguyễn Tú T, sinh ngày 25/01/2009; Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/3/2012 cho chị Bé B nuôi là có cơ sở. Bởi lẽ, hai cháu đã sống ổn định với chị Bé B. Đồng thời, anh B cũng không có văn bản ý kiến gì về việc này. Từ đó, tiếp tục giữ nguyên hiện trạng việc nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Bé B xác định tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có. Cũng như, anh B không cung cấp văn bản ý kiến hay yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị Bé B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[7] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé B. Cho chị Nguyễn Thị Bé B được ly hôn anh Phạm Văn B.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Nguyễn Tú T, sinh ngày 25/01/2009; Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/3/2012 cho chị Bé B nuôi. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Bé B không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Bé B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0015805 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Chị Bé B, anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tænh Tieàn Giang;*
- *VKSND huyeän C;*
- *Chi cuïc THADS huyeän C;*
- *UBND xã A;*
- *Caùc ñöông söï;*
- *Löu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Xuân Lam